

Bản án số: 95/2017/HSST

Ngày: 09/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 8 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn P, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1979; có 02 anh em, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2017 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C: Ông Sin Thoại K – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV TK; địa chỉ: Số 153, đường D, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Triệu Minh D, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi ở hiện tại: Nhà trọ P thuộc Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện tại: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện tại: Tổ 3, Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Ông Lê Văn P, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi ở hiện tại: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Trương Dương T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 13/02/2017, lực lượng tuần tra Công an phường U, thị xã T tiến hành tuần tra an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện Lê Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 68G1- 188.78 lưu thông theo hướng từ xã H về phường U chở Triệu Minh D ngồi phía sau không đội nón bảo hiểm nên đã yêu cầu C dừng xe để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện trong cốp xe mô tô biển số 68G1- 188.78 do C điều khiển có 01 bọc nylon màu đen bên trong chứa nhiều dụng cụ để sử dụng ma túy nên mời C và D về trụ sở Công an phường U làm việc. Qua kiểm tra, Công an phường U phát hiện 01 vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng bên trong có chứa 03 bọc nylon nhỏ được hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng và 01 bọc nylon lớn được hàn kín có chữ “Vương Miện” bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. C khai nhận đó là ma túy do C mua nhằm tàng trữ để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện ma túy. Công an phường U tiến hành lập biên bản tạm giữ vật chứng và tài sản có liên quan gồm: 01 (một) bọc nylon được hàn kín có chữ “Vương Miện” bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 03 (ba) bọc nylon nhỏ được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng; 07 (bảy) bọc nylon; 01 (một) đoạn ống hút màu trắng dài khoảng 04 cm, một đầu được vạt nhọn, một đầu được hàn kín; 01 (một) ống thủy tinh có một đầu hình tròn và 01 (một) ống hút màu tím, dài khoảng 20cm được gắn vào nắp chai màu đỏ; 01 (một) cái kéo bằng kim loại, màu trắng; 02 (hai) hộp quẹt và 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius biển số 68G1-188.78.

Tại Công an phường U, Lê Văn C khai trước khi bị Công an phường U mời về trụ sở làm việc thì C có bán ma túy cho Huỳnh Văn T. Công an phường U mời T về trụ sở làm việc và thu giữ 01 (một) bọc nylon được hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Sau đó, Công an phường U lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 82/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng trong 03 (ba) bìch nylon trọng lượng là 0,1753 gam (M1) và 01 (một) bìch nylon trọng lượng là 0,6640 gam (M2) được hàn kín và niêm phong thu giữ của Lê Văn C có thành phần Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 83/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 (một) bìch nylon trọng lượng là 0,0700 gam được hàn kín và niêm phong thu giữ của Huỳnh Văn T có thành phần Methamphetamine.

Cáo trạng số 81/QĐ-KSĐT ngày 19/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;
- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy các vật chứng liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 82/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Lê Văn C, chữ ký cán bộ niêm phong Trần Văn B, chữ ký cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Hoài V, Triệu Minh D, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám định 82/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương.

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 83/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Huỳnh Văn T, chữ ký cán bộ niêm phong, cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Trương Dương T, Nguyễn Hoài V, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám

định 83/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương;

- 01 (một) vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng;
- 06 (sáu) vỏ bọc nylon hờ một đầu;
- 01 (một) đoạn ống hút màu trắng dài khoảng 04 cm, một đầu được vạt nhọn, một đầu hàn kín;
- 01 (một) ống thủy tinh có một đầu hình tròn và 01 (một) ống hút màu tím dài khoảng 20cm cả hai được gắn vào nắp chai màu đỏ;
- 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng;
- 01 (một) bịch nylon màu đen;
- 02 (hai) hộp quẹt đã qua sử dụng.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 68G1-188.78 do ông Lê Văn P đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 72 ngày 29/5/2017 trả lại cho ông Lê Văn P nên không đề nghị xem xét.

+ Đối với điện thoại di động mà C sử dụng để liên lạc với H mua ma túy, C khai đã làm hư, quá trình điều tra không thể thu hồi điện thoại cũng như thẻ sim nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Đối với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp lại số tiền nêu trên để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Văn C khai: C sử dụng ma túy từ khoảng tháng 8/2015, loại ma túy mà C sử dụng là ma túy tổng hợp (Methamphetamine) do C mua về từ một người phụ nữ tên H. Ngoài ra, Cường còn bán cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời. Khoảng 16 giờ ngày 12/02/2017, C mua ma túy của H với số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, C thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ N ở phường U, thị xã T và phân thành 05 phần rồi bỏ vào 05 bịch nylon và hàn kín miệng, cho vào trong 01 vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng rồi bỏ vào túi quần của C đang mặc. Sau đó, C trả phòng và điều khiển xe mô tô biển số 68G1-188.78 đi về phòng trọ của C tại khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, C điều khiển xe mô tô 68G1 – 188.78 đến nhà trọ P ở khu phố 7, phường U, thị xã T chở Triệu Minh D đến phòng bảo vệ của Công ty H tại Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương để sử dụng ma túy. Khi đến Công ty H, C và D gặp Huỳnh Văn T là bạn của C đang làm bảo vệ của Công ty. C nói với T cho vào trong phòng bảo vệ để sử dụng ma túy thì T đồng ý. Sau đó, C mở cốp xe mô tô biển số 68G1-188.78 lấy dụng cụ sử dụng ma túy xuống nền gạch của phòng bảo vệ rồi C cùng với T, D và Trương Văn Tr là bảo vệ của Công ty H cùng sử dụng chung ma túy. Sau khi sử dụng ma túy thì Tr đi ra ngoài để làm nhiệm vụ còn C, T, D ở lại trong phòng. Lúc này, T hỏi mua Cường 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ma túy và nói 02-03 ngày sau sẽ trả tiền thì C đồng ý. C lấy trong vỏ hộp quẹt

bằng kim loại 01 bịch nylon có chứa ma túy và đưa cho T nhưng T nói ít và trả lại thì C tiếp tục lấy thêm trong vỏ hộp quẹt 01 bịch nylon khác có chứa ma túy cộng với bịch ny lon chứa ma túy mà C đưa trước đó cho T. Nhưng do D ngồi ở giữa C và T (khoảng cách giữa C và T khoảng 02 mét) nên C đưa 02 bịch ny lon chứa ma túy cho D và nói “đưa cho T”. D cầm lấy và đưa cho T, nhưng T chỉ lấy 01 bịch còn 01 bịch thì đưa cho D để D đưa lại cho C. Sau khi bán ma túy cho T thì C bỏ số ma túy còn lại vào vỏ hộp quẹt rồi bỏ chung vào bịch ny lon đựng dụng cụ sử dụng ma túy và cất vào cốp xe mô tô biển số 68G1- 188.78. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển số 68G1-188.78 chở D đi về phòng trọ của D thì bị Công an phường U kiểm tra và thu giữ như đã nêu trên. Ngoài ra, vào ngày 07/02/2017 tại khu vực gần phòng bảo vệ của Công ty H, C đã bán cho T 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Lê Văn C thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 81/QĐ-KSĐT ngày 19/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T và trình bày về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều khoản theo nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và trình bày: Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo là do nhận thức pháp luật còn thấp; bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải; ông ngoại của bị cáo được tặng giấy khen vì đã có thành tích cống hiến trong lao động, công tác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T khai: Ông T nghiện ma túy từ tháng 01/2017, loại ma túy mà ông T sử dụng là ma túy tổng hợp (Methamphetamine). Ông T đã 02 lần mua ma túy của C để sử dụng vào các ngày 07/02/2017 và 13/02/2017, mỗi lần mua là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng lần mua ngày 13/02/2017 thì ông T chưa trả tiền cho C và chưa sử dụng ma túy thì bị thu giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Minh D khai: Vào tối ngày 13/02/2017, ông D cùng ông T, ông Tr và bị cáo C sử dụng ma túy (Methamphetamine) tại phòng bảo vệ Công ty H. Nguồn gốc ma túy mà D, T, C, Tr sử dụng là do C cung cấp. Ông D chỉ tham gia sử dụng ma túy, không biết việc mua bán ma túy giữa bị cáo C và ông T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Tr khai: Vào tối ngày 13/02/2017 khi đang trực bảo vệ tại Công ty H, được bị cáo C rủ nên ông Tr cùng với ông T, ông D và bị cáo C sử dụng ma túy tại phòng bảo vệ của Công ty H, ông Tr không biết việc mua bán ma túy giữa bị cáo C và ông T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P khai: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 68G1-188.78 do ông Lê Văn P đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 13/02/2017, ông P cho con ruột là Lê Văn C mượn xe mô tô để đi công việc, ông P không biết việc C sử dụng xe vào

mục đích mua bán ma túy. Hiện nay ông đã nhận lại xe mô tô biển số 68G1-188.78, không có yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra những người làm chứng ông Nguyễn Trương Dương T và ông Nguyễn Hoài V khai: Ông T và ông V đang công tác tại Công an phường U. Tối ngày 13/02/2017 được sự phân công của Ban chỉ huy Công an phường thì ông T và ông V có tham gia kiểm tra an toàn giao thông. Trong khi tiến hành tuần tra an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện Lê Văn C khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 68G1-188.78 lưu thông theo hướng từ xã H về phường U, chở Triệu Minh D ngồi phía sau không đội nón bảo hiểm nên đã yêu cầu C dừng xe để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện trong cốp xe mô tô 68G1-188.78 do C điều khiển có 01 bịch nylon màu đen bên trong chứa nhiều dụng cụ để sử dụng ma túy nên mời C và D về trụ sở Công an phường U làm việc.

Trong lời nói sau cùng bị cáo C trình bày: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là phạm tội, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về nhà lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Ngày 07/02/2017 và ngày 13/02/2017, tại khu vực Công ty H thuộc Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn C đã hai lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy Methamphetamine cho Huỳnh Văn T.

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau: “1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a) Có tổ chức; b) Phạm tội nhiều lần”.

Theo quy định tại Điểm 2.3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 thì “phạm tội nhiều lần” được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu

thành tội phạm quy định tại Khoản 1 điều luật tương ứng, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lê Văn C là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì mục đích tư lợi nên cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung Cáo trạng số 81/QĐ-KSĐT ngày 19/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Tội phạm mà bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội nhất là đối với tầng lớp thanh thiếu niên. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Tuy nhiên, bị cáo chưa tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông ngoại được tặng giấy khen vì có cống hiến trong lao động, công tác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 82/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Lê Văn C, chữ ký cán bộ niêm phong Trần Văn B, chữ ký cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Hoài V, Triệu Minh D, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất

Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám định 82/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương.

+ 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 83/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Huỳnh Văn T, chữ ký cán bộ niêm phong, cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Trương Dương T, Nguyễn Hoài V, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (Pc54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám định 83/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương;

+ 01 (một) vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng;

+ 06 (sáu) vỏ bọc nylon hờ một đầu;

+ 01 (một) đoạn ống hút màu trắng dài khoảng 04 cm, một đầu được vạt nhọn, một đầu hàn kín;

+ 01 (một) ống thủy tinh có một đầu hình tròn và 01 (một) ống hút màu tím dài khoảng 20cm cả hai được gắn vào nắp chai màu đỏ;

+ 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng;

+ 01 (một) bịch nylon màu đen;

+ 02 (hai) hộp quẹt đã qua sử dụng.

Là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 68G1-188.78 do ông Lê Văn P đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ông P không có lỗi khi bị cáo dùng chiếc xe nêu trên vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 72 ngày 29/5/2017 trả lại cho ông Lê Văn P là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với chiếc điện thoại di động mà C sử dụng để liên lạc với H mua ma túy đã bị hư hỏng, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bị cáo C thu được từ việc bán ma túy cho ông T là thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[9] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị. Đối với người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho C, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Lê Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;
2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn C 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2017.
3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 82/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Lê Văn C, chữ ký cán bộ niêm phong Trần Văn B, chữ ký cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Hoài V, Triệu Minh D, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám định 82/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương.

+ 01 (một) bì thư đã được niêm phong dán kín có ký hiệu 83/PC54 phía ngoài có chữ ký người bị bắt Huỳnh Văn T, chữ ký cán bộ niêm phong, cán bộ giao mẫu Dương Hữu H, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Trương Dương T, Nguyễn Hoài V, chữ ký cán bộ giám định Nhan Thái H phòng Kỹ thuật hình sự (Pc54) Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Ngô Hồng P Phó Công an phường U và hình dấu đỏ Công an phường U, thị xã T và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS (PC54) Công an Bình Dương, bên trong bì thư có chứa chất Methamphetamine là đối tượng hoàn trả lại sau giám định theo Bản kết luận giám định 83/MT-PC54 ngày 17/02/2017 của Phòng KTHS (PC54) Công an tỉnh Bình Dương;

+ 01 (một) vỏ hộp quẹt bằng kim loại màu vàng;

+ 06 (sáu) vỏ bọc nylon hờ một đầu;

+ 01 (một) đoạn ống hút màu trắng dài khoảng 04 cm, một đầu được vạt nhọn, một đầu hàn kín;

+ 01 (một) ống thủy tinh có một đầu hình tròn và 01 (một) ống hút màu tím dài khoảng 20cm cả hai được gắn vào nắp chai màu đỏ;

- + 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng;
- + 01 (một) bịch nylon màu đen;
- + 02 (hai) hộp quẹt đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

4. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Công an thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Người tham gia tố tụng (06);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền